

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/DS-ST  
Ngày: 16 - 5 - 2022  
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trình Văn Út.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Hoàng Ráng.

Ông Phan Văn Truyện.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Dung -Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1966; Địa chỉ: Nhà số 215, đường Hùng Vương, khu phố 1, Phường 3, thị xã K, tỉnh L (có mặt).

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Trần Diệp - Luật sư - Thuộc Văn phòng Luật sư Hoàng Lan (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Thanh T (tên gọi khác: Mười), sinh năm 1966; Địa chỉ: Nhà số 75, đường L khu phố 1, Phường 1, thị xã K, tỉnh L (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn P, các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày: Vào năm 2020 ông Nguyễn Văn P có cho ông Phạm Thanh T vay 2 lần tiền cụ thể như sau: Lần 1 vào ngày 12 tháng 10 năm 2020 ông T vay 1.650.000.000 đồng; Lần 2 vào ngày 12 tháng 11 năm 2020 ông T vay 2.000.000.000 đồng, khi vay có làm hợp đồng vay tiền, lãi suất thỏa thuận 2,5%/tháng, trả lãi hàng tháng, khi vay ông T có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 130893 do hai bên ký trong hợp đồng vay tiền, không công chứng, chứng thực, không đăng ký thế chấp theo quy định. Từ khi vay đến nay ông T chưa trả gốc chỉ trả lãi hàng tháng trả được 6 lần lãi với số tiền là 570.000.000 đồng ngưng không trả nữa, đã nhiều lần ông P yêu cầu ông T trả nợ gốc, lãi nhưng ông T không trả mà kéo dài đến nay. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng hai bên đã ký, nên ông Nguyễn Văn P làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Phạm Thanh T phải trả số tiền gốc của 2 lần vay là 3.650.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi với mức

lãi suất 1,66%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 12 tháng 6 năm 2021 đến nay, trả một lần trong thời gian sớm nhất.

Sau khi nhận được đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn P. Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án số 26/TB-TLVA ngày 04/3/2022; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 21/TB-TA ngày 04/3/2022 đã tổng đạt hợp lệ cho ông T. theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, nhưng ông T không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời nguyên đơn ông Nguyễn Văn P. có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

#### *Về tố tụng:*

[1] Ông Nguyễn Văn P., sinh năm 1966; Địa chỉ: Nhà số 215, đường Hùng Vương, khu phố 1, Phường 3, thị xã K, tỉnh L khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Phạm Thanh T (tên gọi khác: Mười), sinh năm 1966; Địa chỉ: Nhà số 75, đường Lý Thường Kiệt, khu phố 1, Phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Tòa án đã niêm yết hợp lệ cho ông T. theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, nhưng ông T. không có mặt. Do đó Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông T. là phù hợp với quy định của pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ông Nguyễn Văn P. khởi kiện ông Phạm Thanh T. yêu cầu trả số tiền gốc và lãi suất được xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và 468 của Bộ luật dân sự.

#### *Về nội dung:*

[1] Tại phiên tòa người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông P. và ông P. trình bày, khi ký hết hợp đồng hai bên thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng, trả lãi hàng tháng, ông T. đã trả lãi được 6 tháng với số tiền là 570.000.000 đồng (ngày 11/12/2020 trả 92.000.000đ, ngày 12/01/2021 trả 95.000.000đ, ngày 05/02/2021 trả 95.000.000đ, ngày 15/3/2021 trả 96.000.000đ, ngày 06/4/2021 trả 96.000.000đ, ngày 01/6/2021 trả 96.000.000đ) số tiền ông T. trả lãi cao hơn quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét tính lại lãi theo quy định sau đó khấu trừ lại tiền lãi thừa mà ông T. đã trả của 6 lần trên vào tiền gốc, còn lại bao nhiêu tiền gốc thì yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 02 tháng 6 năm 2021 đến ngày 16 tháng 5 năm 2022, yêu cầu ông T. trả một lần trong hạn sớm nhất cụ thể như sau:

- Lần 1 trả lãi ngày 11/12/2020: Số tiền gốc 1.650.000.000đ (của hợp đồng ngày 12/10/2020) x 1,66%/tháng x 1 tháng 29 ngày = 53.967.000đ; Số tiền gốc 2.000.000.000đ (của hợp đồng ngày 12/11/2020) x 1,66%/tháng x 29 ngày = 32.093.300đ, tổng lãi của 2 khoản vay này đến ngày 11/12/2020 theo quy định của pháp luật thì ông T. phải trả lãi 85.960.300 đồng, khấu trừ lại lãi ông T. đã trả còn

thừa 6.039.700đ ( $92.000.000đ - 85.960.300đ = 6.039.700đ$ ). Tiền lãi thừa được trừ vào tiền gốc nên tiền gốc còn lại là 3.643.960.300đ ( $3.650.000.000đ - 6.039.700đ = 3.643.960.300đ$ ).

- Lần 2 trả lãi vào ngày 12/01/2021: Số tiền gốc 3.643.960.300đ x 1,66%/tháng x 1 tháng = 60.489.700đ theo quy định của pháp luật thì ông T phải trả lãi 60.489.700đ, khấu trừ lại lãi ông T đã trả còn thừa 34.510.300đ ( $95.000.000đ - 60.489.700đ = 34.510.300đ$ ). Tiền lãi thừa được trừ vào tiền gốc nên tiền gốc còn lại là 3.609.540.000đ ( $3.643.960.300đ - 34.510.300đ = 3.609.540.000đ$ ).

- Lần 3 trả lãi ngày 05/02/2021: Số tiền gốc 3.609.540.000đ x 1,66%/tháng x 23 ngày = 45.936.200đ theo quy định của pháp luật thì ông T phải trả lãi 45.936.200đ, khấu trừ lại lãi ông T đã trả còn thừa 49.063.700đ ( $95.000.000đ - 45.936.200đ = 49.063.700đ$ ). Tiền lãi thừa được trừ vào tiền gốc nên tiền gốc còn lại là 3.560.386.300đ ( $3.609.540.000đ - 49.063.700đ = 3.560.386.300đ$ ).

- Lần 4 trả lãi ngày 15/3/2021 Số tiền gốc 3.560.386.300đ x 1,66%/tháng x 01 tháng 09 ngày = 76.833.100đ theo quy định của pháp luật thì ông T phải trả lãi 76.833.100đ, khấu trừ lại lãi ông T đã trả còn thừa 19.166.900đ ( $96.000.000đ - 76.833.100đ = 19.166.900đ$ ). Tiền lãi thừa được trừ vào tiền gốc nên tiền gốc còn lại là 3.541.219.400đ ( $3.560.386.300đ - 19.166.900đ = 3.541.219.400đ$ ).

- Lần 5 trả lãi ngày 06/4/2021: Số tiền gốc 3.541.219.400đ x 1,66%/tháng x 21 ngày = 41.148.900đ theo quy định của pháp luật thì ông T phải trả lãi 41.148.900đ, khấu trừ lại lãi ông T đã trả còn thừa 54.851.100đ ( $96.000.000đ - 41.148.900đ = 54.851.100đ$ ). Tiền lãi thừa được trừ vào tiền gốc nên tiền gốc còn lại là 3.486.368.300đ ( $3.541.219.400đ - 54.851.100đ = 3.486.368.300đ$ ).

- Lần 6 trả lãi ngày 01/6/2021: Số tiền gốc 3.486.368.300đ x 1,66%/tháng x 01 tháng 25 ngày = 106.101.800đ theo quy định của pháp luật thì ông T phải trả lãi 106.101.800đ, tuy nhiên ông T trả cho ông P 96.000.000đ tiền lãi như vậy ông T còn thiếu ông P tiền lãi là 10.101.800đ.

- Tính lãi từ ngày 02/6/2021 đến 16/5/2022 tiền gốc 3.486.368.300đ x 1,66%/tháng x 01 tháng 25 ngày = 663.618.500đ.

Tổng cộng tiền lãi theo quy định của pháp luật ông T còn phải trả cho ông P tính đến ngày 16/5/2022 là 673.720.300 đồng ( $663.618.500đ + 10.101.800đ$ ); Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi ông T phải trả cho ông P là 4.160.088.600 đồng ( $3.486.368.300đ + 673.720.300đ$ ). **Xét thấy, yêu cầu của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông P và ông P là hoàn toàn tự nguyện, có chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 91, 93, 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự (hợp đồng vay tiền). Vì vậy, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P đối với ông Phạm Thanh Tâm, xử buộc ông T phải trả cho ông P tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 4.160.088.600 đồng là có căn cứ phù hợp với quy** Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3] Đối với bị đơn ông Phạm Thanh Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho ông T, nhưng ông T không có văn bản ghi ý kiến của mình, không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi vay ông Phạm Thanh Tthế chấp cho ông Nguyễn Văn P , hai bên chỉ ký trong hợp đồng vay tiền, không công chứng, không đăng ký thế chấp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Vì vậy, buộc ông Nguyễn Văn P phải giao trả lại cho ông Phạm Thanh Tlà phù hợp.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Phạm Thanh Tphải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P đối với ông Phạm Thanh Tâm.

Xử buộc Phạm Thanh Tphải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền tổng cộng gốc, lãi là 4.160.088.600 đồng (bốn tỷ một trăm sáu mươi triệu không trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Buộc ông Nguyễn Văn P phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 130893 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 00038 cho ông Phạm Thanh Tâm.

Về án phí: Buộc ông Phạm Thanh Tphải chịu 112.160.000 đồng (một trăm mười hai triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn P 56.068.000 đồng (năm mươi sáu triệu không trăm sáu mươi tám ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000619 ngày 02/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt ông P báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Phạm Thanh Tđược quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trình Văn Út**

